TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAI** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **
Số: 26/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Mỹ, ngày 28 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ vào Điều 149, 150, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 92, 93 và 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. anh Hoàng Xuân L, sinh năm: 1975

Địa chỉ: xóm 24 C, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình.

2. chị Phan Thị Hồng L1, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Hoàng Xuân L và chị Phan Thị Hồng L cùng nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về giao quyền nuôi con khi ly hôn nên quan hệ pháp luật thụ lý giải quyết là "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn". Một trong hai người yêu cầu có nơi cư trú hiện nay tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của anh L và chị L1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về nội dung việc hôn nhân gia đình:

- Quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Xuân L và chị Phan Thị Hồng L1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 107, ngày 06/11/2003. Hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống và làm việc tại huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 5/2019 đến nay, anh L chuyển về Ninh Bình sống và hai người ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai người cùng đồng thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Mặc dù đã được Tòa án hòa

giải đoàn tụ nhưng cả anh L và chị L1 đều giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng: cả hai đương sự xác định có 02 con chung tên là Hoàng Phan Bảo P, sinh ngày: 02/02/2007 và Hoàng Phan Bảo K, sinh ngày: 11/02/2018. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu P sống với anh L, còn cháu K sống cùng chị L1. Khi ly hôn hai người thỏa thuận giao cháu P cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của hai đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu P nên công nhận.

Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không ai có yêu cầu nên không xem xét.

- Về lệ phí: anh Hoàng Xuân L và chị Phan Thị Hồng L1, mỗi người tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Xuân L và chị Phan Thị Hồng L1.

- Về con chung: giao cháu Hoàng Phan Bảo P, sinh ngày: 02/02/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Phan Bảo K, sinh ngày: 11/02/2018 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: tạm thời anh L, chị L1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành có có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có đương sự nào có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không có

2. Về lệ phí Tòa án: anh Hoàng Xuân L và chị Phan Thị Hồng L1, mỗi người tự nguyện nộp lệ phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà anh L, chị L1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001799 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Anh L, chị L1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND H Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Hà Thế Nam